**Phụ lục 2**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**Môn: NHẬP MÔN NGÔN NGỮ**

Mã số môn học: 410239

**\*\*\*\*\***

**A. Thông tin về giảng viên:**

**B. Thông tin về môn học:**

**1. Số tín chỉ/đvht: 04**

- Lý thuyết: **03 (45 tiết)**

- Thực hành: **01 (30 tiết)**

**2. Đối tượng học**: Bậc học: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Hệ: Chính qui

**3. Điều kiện tiên quyết/song hành:** *Không*

**4. Mục tiêu/Kết quả học tập của môn học:** Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

*4.1.* ***Về kiến thức:***

- Nhận biết một số đặc điểm chung của ngôn ngữ;

- Liệt kê một số lĩnh vực, chuyên ngành liên quan đến ngôn ngữ học và;

- Thu thập kiến thức khái quát về ngữ âm, từ vựng, ngữ dụng, ngữ nghĩa, hình thái từ và cú pháp của ngôn ngữ.

***4.2. Về kỹ năng chuyên môn:***

- Giải thích và phân biệt các thuật ngữ ngôn ngữ học;

- Xác định các đặc điểm ngữ âm học, âm vị học, hình vị học, cú pháp và ngữ nghĩa học;

- So sánh và đối chiếu đặc điểm của ngôn ngữ Anh với ngôn ngữ bản xứ hay một số ngôn ngữ đã biết.

***4.3. Về thái độ và kỹ năng mềm:***

* Phát huy khả năng tự học tự nghiên cứu, tham khảo tài liệu;
* Rèn luyện được một số kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng viết lách, kỹ năng trình bày trước lớp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lắng nghe người khác.

**5. Nội dung và mục tiêu/KQHT chi tiết môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Bài học** | **MT/KQHT về kiến thức** | **MT/KQHT về kỹ năng nghề nghiệp** | **MT/KQHT về thái độ và kỹ năng mềm** |
| **Unit 1:**  **What is language?** | * Khái quát chung về các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ học; * Nhận biết các đặc điểm chung của ngôn ngữ; * Phân biệt sự khác nhau giữa khả năng ngôn | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng |
|  | ngữ và năng lực ngôn ngữ. |  | trình bày |
| **Unit 2: Semantics** | * Phân biệt nghĩa khái niệm và nghĩa tình huống (conceptual meaning and associative meaning); * Xác định các đặc điểm nghĩa của từ và cụm từ; và phân tích sự mơ hồ về nghĩa của những cấu trúc câu tiếng Anh. * Xác định những tương quan về ngữ nghĩa và diễn giải nghĩa của từ đa nghĩa. | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
| **Unit 3: Phonetics** | * Giải thích các khái niệm của lĩnh vực ngôn ngữ này ; * Nhận diện và xác định từng bộ phận trong bộ máy cấu âm; * Nhận diện và sử dụng được các ký hiệu phiên âm quốc tế; * Mô tả các đặc điểm ngữ âm của từng âm riêng biệt trong tiếng Anh; * Phân biệt các âm trong tiếng Anh, tiếng Việt dựa theo đặc điểm ngữ âm học. * Nhận biết âm nói trong những tình huống thực tế. | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
| **Unit 4: Phonology** | * Định nghĩa các khái niệm của lĩnh vực nghiên cứu này; * Nhận diện âm vị, cặp tối thiểu (minimal pairs), đặc điểm khu biệt (distinctive features). * Xác định mối quan hệ giữa ký hiệu âm vị học (phonemic representation) và ký hiệu ngữ âm học (phonetic representation) * Nhận ra âm vị của một số ngôn ngữ (complementary distribution– overlapping distribution) | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
| **Unit 4: Phonology** | * Nắm được các dạng biến âm, lướt âm, trường hợp mũi hóa của một số phụ âm và nguyên âm trong hệ thống cấu âm; * Nhận biết sự biến đổi của âm tố trong những bài đàm thoại hằng ngày. |  |  |
| **Unit 5: Morphology** | * Giải thích khái niệm của lĩnh vực nghiên cứu này * Xác định được cấu tạo của một từ và các nguyên tắc cấu tạo; * Phân biệt hình vị biến hình (inflectional morphology) và hình vị phái sinh (derivational morphology); * Phân tích được cấu trúc của từ trong tiếng Anh; * Nhận ra hình vị trong một số ngôn ngữ. | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
|  | * **Kiểm tra giữa kì** |  |  |
| **Unit 6: Syntax** | * Nắm được khái niệm của lĩnh vực nghiên cứu này; * Phân biệt khái niệm “đúng ngữ pháp” (grammatical) và “không đúng ngữ pháp” (ungrammatical), ngữ pháp theo quy tắc (prescriptive grammar) and ngữ pháp thực theo cách người sử dụng (descriptive grammar); * Nhận diện cấu trúc câu, cụm từ, đặc điểm cú pháp của các loại hình ngôn ngữ; * Vẽ cấu trúc phân tích câu, cụm từ trong tiếng Anh và; * Phân tích và diễn giải các câu mơ hồ, câu đa nghĩa trong khi vẽ cấu trúc ; * Áp dụng qui luật cú pháp vào trong dịch thuật. | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
| **Unit 7: Language and Society** | * Xác định những sự khác nhau về mặt xã hội của ngôn ngữ * Nhận biết nhiều hiện tượng biến đổi của ngôn ngữ rút ra từ những trường hợp sử dụng tiếng Anh không phải là ngôn ngữ bản xứ của nhiều quốc gia như tiếng Anh của người Singapore và New Zealand khác với tiếng Anh là ngôn ngữ chính như tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. * Phân biệt lối sử dụng ngôn ngữ, tiếng lóng, tiếng bồi, đặc ngữ hay biệt ngữ; * Nhận biết những từ ngữ chuyên về ngôn ngữ | - Vận dụng các chiến thuật trong kỹ năng đọc hiểu để đọc tài liệu | - Rèn kỹ năng làm việc cá nhân, cặp, nhóm, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày |
|  | * **Ôn tập cuối khóa** |  |  |

**6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết:**

| **Chủ đề/Bài học** | **Cách tổ chức giảng dạy** | **Yêu cầu đối với SV** | **Cách đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Unit 1: What is language?** | * Khái quát về ngôn ngữ:   + Xác định các đặc điểm chung của ngôn ngữ;  ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức nhóm | - Định nghĩa khái niệm về ngôn ngữ và liệt kê một số đặc tính của ngôn ngữ.  - Đọc tài liệu giáo viên yêu cầu trước khi đến lớp. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| + Nhận biết các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ học;  + Phân biệt kiến thức ngôn ngữ (linguistics knowledge) và năng lực ngôn ngữ (linguistics performance)  ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức nhóm, chia sẻ cặp | - Liệt kê các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ và vai trò của nó;  - Nghiên cứu tài liệu ở nhà để có thông tin trước khi chia sẻ trong nhóm.  - Tìm thêm ví dụ thực tế để giải thích sự khác nhau giữa kiến thức ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
|  | + Xác định câu theo chuẩn cấu trúc tiếng Anh dựa vào kiến thức ngôn ngữ.  ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, thảo luận nhóm | - Làm bài tập để củng cố kiến thức vừa học. | * Bài tập trên lớp |
| **Unit 2: Language and Society** | * Xác định những sự khác nhau về mặt xã hội của ngôn ngữ | ***­­-*** Nhận biết những sự thay đổi của một ngôn ngữ khi được sử dụng bởi các tầng lớp xã hội khác nhau trong một cộng đồng. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| * Nhận biết nhiều hiện tượng biến đổi của ngôn ngữ rút ra từ những trường hợp sử dụng tiếng Anh không phải là ngôn ngữ bản xứ của nhiều quốc gia với tiếng Anh là ngôn ngữ chính. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, cá nhân và thảo luận nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Tham khảo tài liệu để tìm những ví dụ minh chứng cho sự khác biệt trong cách sử dụng tiếng Anh của những nhóm người khác nhau trên thế giới.  - Giải thích sự khác biệt đó và nguyên nhân của nó trong từng nhóm người. | * Bài tập ở nhà |
| * Phân biệt lối sử dụng ngôn ngữ, tiếng lóng, tiếng bồi, đặc ngữ hay biệt ngữ; * Nhận biết những từ ngữ chuyên về ngôn ngữ | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, thảo luận nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Định nghĩa và cho ví dụ để phân biệt các thuật ngữ về tiếng lóng, tiếng bồi, đặc ngữ hay biệt ngữ. | * Bài tập trên lớp |
| **Unit 3: Phonetics** | * Giải thích khái niệm; * Giới thiệu các bộ phận trong bộ máy cấu âm; * Phân biệt các phụ âm theo cách phát âm và phương pháp phát âm; | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc theo cặp hay tổ chức nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Mô tả được bộ phận cấu âm;   - Phân biệt sự khác nhau về vị trí cũng như đặc điểm ngữ âm học của từng nguyên âm và phụ âm. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| * Mô tả các đặc điểm ngữ âm của từng âm riêng biệt trong tiếng Anh;   Phân biệt các âm trong tiếng Anh, tiếng Việt dựa theo đặc điểm ngữ âm học. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, cá nhân, làm việc theo cặp  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Mô tả đặc điểm cấu âm của bất kì nguyên âm hay phụ âm trong tiếng Anh  - Nhận ra các ký hiệu phiên âm và có thể tự phiên âm từ, câu hay lời phát ngôn. | * Bài kiểm tra ngắn trên lớp |
| * Hướng dẫn sử dụng các ký hiệu phiên âm quốc tế; * Nhận biết âm nói trong những tình huống thực tế. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Tra phiên âm và biết cách đọc bất kì từ nào trong trong tiếng Anh * Làm các bài tập ở nhà. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| **Unit 4: Phonology** | * Xác định mối quan hệ giữa ký hiệu âm vị học (phonemic representation) và ký hiệu ngữ âm học (phonetic representation) | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức cặp và nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Phân biệt khái niệm âm nói (phone) và âm tố (phoneme). |  |
| Giải thích các nguyên tắc âm vị của một số phụ âm và nguyên âm trong hệ thống cấu âm.   * Trình bày các đặc điểm của âm vị trong tiếng Anh | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức làm việc theo cặp và nhóm.  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Xác định các dạng biến âm, lướt âm của một số phụ âm và nguyên âm trong | Bài kiểm tra ngắn |
|  | hệ thống cấu âm.  - Xác định các quy tắc lướt âm những trường hợp đồng hóa, dị hóa, mũi hóa, và răng hóa. |  |
| * Nhận diện âm vị, cặp âm tối thiểu và đặc điểm khu biệt. * Nhận biết sự biến đổi của âm tố trong những bài đàm thoại hằng ngày. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, tổ chức cặp và nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Nhận dạng cặp âm tối thiểu (minimal pairs), và đặc điểm khu biệt (distinctive features).  - Xác định được sự biến đổi âm tố trong các tình giao tiếp hằng ngày. | * Bài tập nhóm trên lớp |
| **Unit 5: Morphology** | * Giúp sinh viên xác định được cấu tạo của một từ và các nguyên tắc cấu tạo; | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Phân biệt được các khái niệm về từ, hình vị, từ gốc, và các phụ tố. * Phân tích được cấu trúc của từ trong tiếng Anh; | * Bài tập theo cặp * Bài tập về nhà |
| * Giải thích sự khác nhau giữa hình vị biến hình và hình vị phái sinh; * Nhận ra hình vị trong một số ngôn ngữ. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Cho ví dụ về hình vị biến hình (inflectional morphology) và hình vị phái sinh (derivational morphology). | * Bài tập nhóm trên lớp |
| * Vẽ cây mô phỏng cấu tạo của một từ; * Thành lập từ mới từ những nguyên tắc cấu tạo từ | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Nắm các nguyên tắc cấu tạo của từng loại từ để giải thích hay vẽ cây mô phỏng cấu tạo của một từ bất kì. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| **Đánh giá** | * **Kiểm tra giữa kì** | SV làm bài kiểm tra tự luận |  |
| **Unit 6: Syntax** | * Xác định các vấn đề liên quan đến cú pháp; * Phân biệt khái niệm “đúng ngữ pháp” và “không đúng ngữ pháp”. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc cá nhân  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Xác định và phân tích câu đúng và không đúng ngữ pháp trong tiếng Anh. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| * Nhận diện cấu trúc câu, cụm từ, đặc điểm cú pháp của các loại hình ngôn ngữ; * Vẽ cấu trúc phân tích câu, cụm từ trong tiếng Anh và; | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc theo cặp  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Xác định chủ vị và phân tích cấu tạo của từng thành phần trong câu. * Vẽ cấu trúc cây phân tích câu, cụm từ trong tiếng Anh và thể hiện các thành phần của câu;   - Tự đặt câu và vẽ cấu trúc câu. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| * Phân tích và diễn giải các câu mơ hồ, câu đa nghĩa trong khi vẽ cấu trúc ; * Áp dụng qui luật cú pháp vào trong dịch thuật. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc theo cặp  ***Yêu cầu đối với học viên***   * Diễn giải những câu mơ hồ hay đa nghĩa; * Vận dụng kiến thức về cú pháp để phân tích nghĩa và dịch những câu đơn giản cho đến phức tạp. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà |
| **Unit 7: Semantics** | * Phân biệt nghĩa khái niệm và nghĩa tình huống; * Xác định các đặc điểm nghĩa của từ và cụm từ. * Xác định những tương quan về ngữ nghĩa; * Xác định những từ đa nghĩa dung trong câu. * Diễn giải sự mơ hồ về nghĩa của câu do chứa từ đa nghĩa. | ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc nhóm và làm việc theo cặp  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Xác định một số đặc điểm ngữ nghĩa học.  - Xác định nghĩa khái niệm và nghĩa tình huống (conceptual meaning and associative meaning).  - Liệt kê đặc điểm ngữ nghĩa (semantic features) của một từ hay cụm từ. | * Bài tập trên lớp * Bài tập về nhà * Bài kiểm tra ngắn |
|
|  |  | - Phân tích và diễn giải sự mơ hồ về  nghĩa của từ, cụm từ và cấu trúc câu.  ***Cách thực hiện***  *-* Diễn giảng, làm việc nhóm  ***Yêu cầu đối với học viên***  - Viết lại những câu mơ hồ sao cho mỗi câu chỉ có một nghĩa duy nhất. | * Bài tập trên lớp |
| **Ôn tập** | * Ôn tập |  |  |

**7. Đánh giá:**

* **Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**
  + Điểm quá trình (QT): **50%**
    - *Chuyên cần: 10%.* Sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp; thực hiện các hoạt động do giáo viên tổ chức trong quá trình giảng dạy và nhiệt tình trong đóng góp xây dựng bài.
    - *Bài tập: 20%.* Sinh viên làm đầy đủ và đúng yêu cầu các bài tập do giáo viên giao. (Giáo viên có thể quy định trong tổng số bài tập giao cho sinh viên trong khóa học).
    - *Đánh giá giữa kỳ: 20%.* Giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện khi đã giảng dạy được 2/3 thời lượng môn học (tiết thứ 40). Nội dung và hình thức kiểm tra được công bố cho sinh viên ít nhất là 02 tuần trước khi buổi kiểm tra chính thức bắt đầu.
  + Điểm kiểm tra (KT) kết thúc học phần: **50%**
    - *Bài kiểm tra viết:* Nội dung đánh giá gồm các kết quả học tập trên đã được trình bày và thảo luận trong suốt khóa học thuộc nhóm kỹ năng chuyên môn.
    - Điểm đánh giá kết thúc môn (điểm trung bình môn- TB) được tính với công thức là:

Điểm TB cuối học phần = Điểm QT + Điểm KT kết thúc học phần.

**8. Tài liệu học tập**

* ***Sách, giáo trình chính***
  + Yule, G. (2010). *The study of language (4th ed.).* Cambridge : Cambridge University Press.
* ***Sách tham khảo khác:***
  + Akmajian, A., Demers, R. A., Farmer, A. K, & Harnish, R. M. (2001). *Linguistics: An introduction to language and communication* (5th ed.). Hongkong: Massachusetts Institution of Technology.
  + Binkert, P. (2003). *Linguistic analysis.* Milford, MI: The Langtech Corporation.
  + Fromkin, V., Rodman, R., & Hyams, N. (2007). *An introduction to language* (8th ed.). Boston: Thomson Wadsworth.
  + Stabler, E. (2011). *Lecture Notes: Linguistics*. Retrieved July11, 2012 from <http://www.liguistics.ucla.edu/people/stable/20.pdf>

*Trà Vinh, ngày 22 tháng 09 năm 2018*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bộ môn Tiếng Anh** | **Giảng viên** |